TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 82/2019/DSST-ST
Ngày: 25/9/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng +Thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khanh**
2. Ông **Tôn Phước Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 457/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K; địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người diện theo ủy quyền: Ông Mai Quốc B, chức vụ: Phó phòng KHCN - Chi nhánh An Giang; địa chỉ: số 21 – 22A2, Lý Thái T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hồng E, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1943; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Anh Lê Nhựt E, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Cháu Lê Thị Cẩm T, sinh năm 2004; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Ông Lê Hồng E, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; làm đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, tại phiên Tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K ông Mai Quốc Bảo trình bày: Ông Lê Hồng E và bà Huỳnh Thị C có đến Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh An Giang (sau đây viết tắt là Ngân hàng) vay số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 342/2016/HĐTD/1200-5032 ngày 12/05/2016, mục đích vay để bổ sung vốn chăn nuôi bò thịt, thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân 12/5/2016, ngày đến hạn 12/5/2017, lãi suất 12,60%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm vay thay đổi lãi suất cộng biên độ 2,78%/năm. Lãi suất ngay khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất quá hạn bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay thời điểm nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày, hình thức trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Để đảm bảo cho khoảng vay, thì ông Hồng E và bà C có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 290/2015/HĐTC-BĐS/1200-2567 ngày 12/05/2015 với đại diện ngân hàng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 613842, số vào sổ CH02507, diện tích 5.454,1 m^2, tờ bản đồ số 23, thửa 42, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/9/2013 cho ông Lê Hồng E đứng tên quyền sử dụng. Tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình vay vốn, ông Hồng E cùng vợ là bà C chỉ thanh toán nợ cho ngân hàng đến ngày 12/10/2016 với số tiền là 8.032.500 đồng. Khi đến hạn thanh toán, ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông bà cũng cam kết nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Lê Hồng E cùng vợ là bà Huỳnh Thị C trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2019, cụ thể: Số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 11.130.000 đồng, tiền phạt lãi chậm trả 5.347.545 đồng, lãi quá hạn 68.179.500 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 234.727.545 đồng. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 26/9/2019 theo mức lãi suất thỏa

thuận tại Hợp đồng tín dụng số 342/2016/HĐTD/1200-5032 ngày 12/05/2016 đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông Hồng E và bà C không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện C có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 613842, số vào sổ CH02507, diện tích 5.454,1 m^2, tờ bản đồ số 23, thửa 42, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/9/2013 cho ông Lê Hồng E đứng tên quyền sử dụng. Tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 290/2015/HĐTC-BĐS/1200-2567 ngày 12/05/2015.

Tại tờ khai ngày 23/01/2019 ông Lê Hồng E trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của Ngân hàng số tiền vốn 150.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi bò, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất 12.6%/năm theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, đến hạn ông không có tiền trả và hiện nay con nợ Ngân hàng số vốn gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 04/8/2018 là 49.427.903. Tổng cộng vốn và lãi là 199.472.903 đồng, vợ chồng ông cũng đồng ý chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Khi vay vợ chồng ông có thế chấp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02507 ngày 06/9/2013 diện tích 5.454.1m^2 tờ bản đồ số 23, thửa đất số 42 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hồng E. Ông đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật để thi hành khoản nợ mà vợ chồng ông đang vay của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 15/6/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông Lê Hồng E và bà Huỳnh Thị C, ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng với số tiền 150.000.000 đồng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02507 ngày 06/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hồng E diện tích 5.454,1m^2. Ngày 12/5/2016, hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 342/2016/HĐTD/1200-5032 với số tiền vay là 150.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi bò thịt, thời hạn vay 12 tháng (từ 12/5/2016 đến ngày 12/5/2017), lãi suất 12,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, phạt chậm trả 0,05%/ngày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông E, bà C đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 8.032.500 đồng đến ngày 12/10/2016 thì ngưng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông E, bà C trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2019 bao gồm vốn và lãi còn nợ tổng cộng 234.727.545 đồng, lãi suất theo hợp đồng đã ký kết và yêu cầu xử lý tài sản thế

chấp trường hợp ông E, bà C không thanh toán nợ cho ngân hàng. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Phía các ông, bà Huỳnh Thị C, Lê Thị N, Lê Nhựt E, Lê Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 342/2016/HĐTD/1200-5032 ngày 12/5/2016, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông E, bà C được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và ông E thừa nhận vợ chồng ông có nợ ngân hàng vốn gốc 150.000.00 đồng và lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng. Do ông E, bà C vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả 234.727.545 đồng, lãi suất theo hợp đồng đã ký kết và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 290/2015/HĐTC-BĐS/1200-2567 ngày 12/5/2015, trong đó ông E, bà C thế chấp quyền sử dụng đất số CH02507 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/9/2013 bảo lãnh số tiền vay 150.000.000 đồng và lãi suất. Hợp đồng thế chấp được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Long Xuyên và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C nên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Điều 715 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Đối với bà N, anh Nhựt E và cháu T là người sống chung với ông E, bà C trên đất thế chấp cho ngân hàng, tòa án đã triệu tập các ông, bà với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng các ông, bà vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở xE xét đến quyền lợi của các ông, bà trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/20006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

- Buộc ông Lê Hồng E, bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng K, số tiền 234.727.545 đồng, lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

- Ngân hàng K được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi số tiền vốn và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà C, ông Hồng E và những người có nghĩa vụ liên quan không đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng các ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Hồng E, bà C yêu cầu trả số tiền vay 150.000.000 đồng, và tiền lãi còn nợ. Đây là tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà C, ông Hồng E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Hồng E, bà C trả số tiền theo hợp đồng tín dụng nợ số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Tuy N cho đến hôm nay ông Hồng E, bà C không có ý kiến gì. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý, đến nay đã hết hạn nhưng vẫn chưa trả vốn gốc. Do bà C, ông Hồng E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn 150.000.000 đồng, đồng là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 25/9/2019 căn cứ theo quy định yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Tính đến ngày 25/9/2019 là lãi trong hạn là 11.182.500 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 5.347.545 đồng, lãi quá hạn 68.197.500 đồng. Tổng cộng vôn và lãi là 234.727.545 đồng, lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm trả được quy định theo hợp đồng cho đến khi ông Hồng E, bà C thanh toán toàn bộ khoản tiền vay.

Xét thấy giữa ông Hồng E, bà C là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu ông Hồng E, bà C có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc ông Hồng E, bà C phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/9/2019 là lãi trong hạn là 11.182.500 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 5.347.545 đồng, lãi quá hạn 68.197.500 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 234.727.545 đồng. Trường hợp bà C, ông Hồng E không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà C, ông Hồng E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:
Các Điều 471, 474, 476, 715, 721 - Bộ luật dân sự 2005;
Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014
Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K
Buộc ông Lê Hồng E, bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi trong hạn 11.182.500 đồng (mười một triệu một trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng); lãi phạt chậm trả: 5.347.545 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi lăm đồng) , lãi quá hạn 68.197.500 đồng (sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tính đến ngày 25/9/2019. Tổng cộng vốn và lãi 234.727.545 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi lăm đồng)
Kể từ ngày 26/9/2019 ông Lê Hồng E, bà Huỳnh Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 342/2016/HĐTD/1200-5032 ngày 12/5/2062 cho đến khi ông Hồng E, bà C thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại K thì lãi suất mà ông Hồng E, bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại K theo quết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Hồng E, bà Huỳnh Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 290/2015/HĐTC – BĐS/1200 – 2567 ngày 12/5/2015 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm 5.454.1m^2 thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 theo giấy nhận CH02507 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/9/2013 mang tên ông Lê Hồng E để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Hồng E, bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền xE xét thẩm định tại chổ 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hồng E, bà Huỳnh Thị C phải chịu 11.736.377 đồng (mười một triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K số tiền 4.986.0000 đồng (bốn triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0000503 ngày 25.12.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.